

Bài 1. Đọc và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 8

(1) Du lịch là một ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Nhờ có cảnh đẹp tự nhiên, di sản văn hóa và ẩm thực phong phú, mỗi năm Việt Nam đón hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước. Theo số liệu năm 2023, Việt Nam đón khoảng 12 triệu lượt khách quốc tế và hơn 100 triệu lượt **khách du lịch nội địa**. Ngành du lịch đóng góp khoảng **8–9%** vào GDP quốc gia và tạo việc làm cho hàng triệu lao động.

(2) Việt Nam có nhiều điểm du lịch nổi tiếng từ Bắc vào Nam. Ở miền Bắc, du khách thường đến tham quan Vịnh Hạ Long. Đây là di sản thiên nhiên thế giới với hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ. Mỗi năm, nơi đây đón hàng triệu lượt khách đến tham quan và nghỉ dưỡng. Ngoài ra, thủ đô Hà Nội cũng là điểm đến hấp dẫn với nhiều di tích lịch sử và món ăn truyền thống.

(3) Ở miền Trung, Phố cổ Hội An thu hút du khách bởi những ngôi nhà cổ và đèn lồng nhiều màu sắc. Thành phố Đà Nẵng nổi tiếng với bãi biển đẹp và các cây cầu hiện đại. Mỗi năm, Đà Nẵng tổ chức nhiều sự kiện lớn như lễ hội pháo hoa quốc tế, thu hút đông đảo du khách.

(4) Miền Nam có Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước. Du khách đến đây có thể tham quan các bảo tàng, khu mua sắm và thưởng thức ẩm thực đường phố. Ngoài ra, đảo Phú Quốc cũng là điểm nghỉ dưỡng nổi tiếng với biển xanh và cát trắng.

(5) Du lịch phát triển giúp nhiều người dân có thêm nhiều việc làm như hướng dẫn viên, lái xe, nhân viên khách sạn và bán hàng lưu niệm. Tuy nhiên, du lịch cũng đặt ra một số vấn đề như ô nhiễm môi trường và quá tải vào mùa cao điểm. **Vì vậy**, du khách cần có ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác và tuân thủ quy định tại điểm tham quan.

(6) Du lịch không chỉ giúp phát triển kinh tế mà còn quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam ra thế giới. Nếu được quản lý tốt và phát triển bền vững, ngành du lịch sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tương lai.

(Theo Vnexpress)

Câu 1. Theo số liệu, năm 2023 Việt Nam đón khoảng bao nhiêu lượt khách quốc tế?

- A. 12 triệu
- B. 120 triệu
- C. 100 triệu
- D. 112 triệu

Câu 2. Hà Nội hấp dẫn du khách bởi điều gì?

- A. hàng nghìn hòn đảo

B. ngôi nhà cổ, đèn lồng nhiều màu sắc

C. bãi biển đẹp, nhiều cây cầu hiện đại

D. di tích lịch sử, món ăn truyền thống

Câu 3. Lễ hội pháo hoa quốc tế là sự kiện lớn được tổ chức ở đâu?

A. Vịnh Hạ Long

B. Hà Nội

C. Đà Nẵng

D. thành phố Hồ Chí Minh

Câu 4. Lợi ích của phát triển du lịch là gì?

A. người dân có thêm nhiều việc làm

B. ô nhiễm môi trường

C. quá tải vào mùa cao điểm

D. bảo vệ môi trường

Câu 5. Cụm từ “**Khách du lịch nội địa**” ở đoạn 1 có nghĩa là gì?

A. khách du lịch nước ngoài

B. khách du lịch trong nước

C. khách du lịch

D. khách du lịch quốc tế

Câu 6. Từ “**Vì vậy**” ở đoạn 5 có thể thay bằng từ nào sau đây?

A. Ngoài ra

B. Hơn nữa

C. Tuy nhiên

D. Do đó

Câu 7. Con số “**8-9%**” ở đoạn 1 được hiểu là gì?

A. Đóng góp của ngành du lịch vào GDP quốc gia

B. Đóng góp của ngành du lịch trong tạo việc làm

C. Tỷ lệ khách du lịch đến Việt Nam

D. Tỷ lệ tăng trưởng của GDP quốc gia

Câu 8. Thông tin nào SAI trong các thông tin sau:

A. Du lịch là một ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam.

B. Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

C. Du lịch giúp quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam ra thế giới.

D. Ngành du lịch sẽ tiếp tục phát triển nếu được quản lý tốt.

Bài 2: Đọc bài dưới đây và trả lời các câu hỏi từ 9 đến 16

Cốm xanh là tặng vật của đất trời, là hương hồn của ba sáu phố phường Hà Nội.

Mỗi khi thu về, hương cốm lan tỏa khắp đất trời. Với 2 đến 3 mùa lúa mỗi năm, hầu như

cốm đều có quanh năm. Tuy nhiên không ai giải thích được vì sao cốm **tháng 9 cuối thu** lại ngon đến vậy. Khi thời tiết miền Bắc dần chuyển lạnh sang đông, tinh hoa đất trời kết đọng cũng là lúc người ta thu được cốm xanh. Người ta thường nói lúa làm cốm phải làm từ hạt lúa non bầm ra sữa, xanh mượt cốm mới dẻo miệng và thơm lừng hương mạ non. Không rõ người dân làng Vòng - nay thuộc phường **Dịch Vọng Hậu**, Cầu Giấy khởi nguồn nghề làm cốm từ khi nào. Chỉ nghe người ta nói lại rằng, vào một năm đến thu, trời mưa to làm vỡ đê ngập ruộng. Người dân tiếc lúa nên mang lúa non về rang làm thức ăn. Không ngờ lúa non rang lên thơm lạ và từ đó cốm làng Vòng ra đời.

Để có được **cốm xanh làng Vòng** cần trải qua nhiều giai đoạn tỉ mỉ, kỳ công. Hạt lúa đem rang trên chảo nóng sao cho vừa nở chín mềm mà không quá lửa, vỏ trấu vừa tróc. Sau khi cốm nguội, công đoạn giã cốm bắt đầu. Không những giã để cốm tróc vỏ mà còn phải giã đến khi nào cốm dẻo dính mới đạt.

Cốm được gói trong **lá ráy** mát để không bị khô và gói thêm **lá sen tươi** bên ngoài để bảo quản. Cũng chính vì thế mà cốm Hà Nội đặc biệt có mùi hương thanh thoát của sen tươi. Ở Hà Thành, người ta lấy **chuối tiêu chấm vào cốm** để ăn, mùi thơm của cốm hòa cùng vị ngọt của chuối tạo thành một món quà đất trời quý giá. Khi vào phía Nam, cốm (cốm thường, cốm xanh) được trộn cùng nước cốt dừa thơm béo ngậy và cơm dừa nạo sợi, vo thành những phần vừa ăn. Cốm không chỉ đơn giản chế biến theo những cách trên mà còn được người dân sáng tạo vào món ăn hàng ngày. Qua hàng trăm năm, cốm xanh vẫn là món quà quê quý giá được nhiều người sẵn đón mỗi khi đến với Hà Nội.

Câu 9: Tặng vật của ba sáu phố phường được nhắc đến trong bài là.....?

- A. hoa sữa B. cốm xanh C. trà sen D. chè cốm

Câu 10: Cốm ngon nhất vào thời gian nào?

- A. cuối mùa xuân
B. cuối mùa hè
C. cuối mùa thu
D. cuối mùa đông

Câu 11: Loại lúa được chọn để làm cốm là loại.....?

- A. lúa non bầm ra sữa.
B. lúa đã già.
C. bất kì loại lúa nào.
D. lúa tẻ.

Câu 12: Người ta có thể làm cho hạt cốm chín mềm bằng cách nào?

A. xào B. luộc C. rán D. rang

Câu 13: Sau khi rang hạt lúa chín mềm, công đoạn tiếp theo là gì?

A. gói cốm B. giã cốm C. thường thức cốm D. nấu cốm

Câu 14: Trong công đoạn giã cốm, người giã cốm phải giã đến khi nào thì đạt?

- A. đến khi cốm mềm
- B. đến khi cốm thơm
- C. đến khi cốm dẻo dai
- D. đến khi cốm dẻo dính

Câu 15: Vì sao cốm Hà Nội có mùi thơm thanh thoát của sen tươi?

- A. Vì cốm được gói bằng lá ráy.
- B. Vì cốm được gói bằng lá sen.
- C. Vì cốm được gói bằng hoa sen.
- D. Vì cốm được trộn cùng lá sen.

Câu 16: Người Hà Nội thường ăn cốm xanh với loại quả nào?

A. quả cam B. quả bưởi C. quả dừa D. quả chuối

Bài 3. Đọc và trả lời câu hỏi từ 17 đến 24

Có thể nói, khoa học và công nghệ thực sự là động lực và là cơ sở bền vững để giúp phát triển y tế Việt Nam. Bên cạnh đó nó còn phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đến nay, khoa học và công nghệ đã được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực của ngành y tế Việt Nam.

Trong lĩnh vực y tế dự phòng, Việt Nam đã ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất vắc-xin phòng bệnh ở người, đảm bảo sản xuất các loại vắc-xin phục vụ Chương trình Tiêm chủng mở rộng; làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Khoa học, công nghệ đã góp phần tích cực để khống chế, đẩy lùi và từng bước thanh toán một số dịch bệnh nguy hiểm như dịch tả, sốt rét, bại liệt, uốn ván sơ sinh và gần đây là bệnh SARS, dịch cúm gia cầm H5N1, sốt xuất huyết,... Trong nhiều năm đã không để xảy ra các dịch bệnh lớn ngay cả trong và sau thiên tai bão lụt lớn. Trên 20 loại vắc-xin đã được nghiên cứu sản xuất trong nước như: Viêm não Nhật Bản, viêm gan B, dại, bại liệt, sởi, tiêu chảy do virus Rota, lao, ... Đến nay, sản xuất vắc-xin đã đảm bảo cung ứng cho Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia 8 loại vắc-xin. Đây không chỉ là thành tựu công nghệ trong sản xuất vắc-xin mà còn thể hiện năng lực ứng dụng công nghệ sinh học trong y tế của Việt Nam.

Trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị bệnh, Việt Nam đã nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh như ghép tạng, can thiệp tim mạch, mổ nội soi... Với việc thực hiện thành công các ca ghép tim, gan, phổi từ người cho chết não và người cho sống, ngành y tế đã xây dựng được 3 trung tâm ghép tạng ở Hà Nội, Huế và TP. Hồ Chí Minh. Chi phí cho ghép tạng ở Việt Nam có mức thấp nhất so với các nước trên thế giới (ít hơn từ 1/3 đến 1/2 lần), nhưng chi phí cho một ca ghép tạng vẫn còn cao (300 triệu cho 1 ca ghép thận, 1 tỷ cho 1 ca ghép tim, 1,5 tỷ cho 1 ca ghép gan). Đến nay trình độ can thiệp mạch trong lĩnh vực tim mạch ở nước ta đạt trình độ các nước tiên tiến trên thế giới, tính riêng can thiệp mạch cấp cứu đã cứu sống trung bình trên 3.000 ca/năm, từ khi **kỹ thuật này** được đưa vào ứng dụng; Điều trị can thiệp các bệnh tim bẩm sinh đã điều trị thành công cho hàng nghìn bệnh nhân. Kỹ thuật can thiệp mạch cũng được ứng dụng trong điều trị ở các cơ quan khác như: Cơ quan tiêu hóa, hô hấp, thần kinh, sinh dục...

Trong lĩnh vực nghiên cứu sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế, Khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng vào việc phát hiện ra 3.948 loài thực vật và nấm lớn được dùng làm thuốc thuộc 307 họ của 9 ngành và nhóm thực vật khác nhau. Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển bền vững nguồn dược liệu, tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc và bảo tồn nguồn dược liệu quý hiếm bằng các kỹ thuật hiện đại đã thu được các kết quả bước đầu. Đến nay, gần 20 giống dược liệu đã được nghiên cứu, khảo nghiệm thành công và được công nhận giống, giảm chi phí mỗi giống hàng chục tỷ đồng nếu nhập ngoại; ứng dụng thành công nhiều công nghệ tiên tiến để sản xuất thuốc có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn các nước tiên tiến, có khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa. Những tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng vào **công nghiệp dược** cũng đóng góp rất lớn cho việc thực hiện chính sách thuốc thiết yếu, góp phần thực hiện thành công chăm sóc sức khỏe ban đầu ở nước ta.

Câu 17. Theo bài viết, khoa học và công nghệ đã được ứng dụng trong mấy lĩnh vực của ngành y tế Việt Nam?

- A. 4 B. 2 C. 5 D. 3

Câu 18. Có mấy loại vắc – xin phục vụ cho Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia?

- A. hơn 20 B. 8 C. 3 D. 9

Câu 19. Chi phí cho một ca ghép tạng ở Việt Nam như thế nào?

- A. cao nhất thế giới B. cao nhất khu vực

C. thấp nhất thế giới D. tương đối cao

Câu 20. Cụm từ “kỹ thuật này” nói đến điều gì?

A. can thiệp mạch trong lĩnh vực tim mạch

B. sản xuất vắc – xin

C. ghép tạng

D. mổ nội soi

Câu 21. Ca ghép tạng nào không được nói đến trong bài?

A. tim

B. gan.

C. thận

D. ruột

Câu 22. Ngành công nghiệp dược được hiểu là gì?

A. mua bán thuốc

B. nghiên cứu và sản xuất thuốc

C. sản xuất các dụng cụ y tế

D. mua bán trang thiết bị y tế

Câu 23. Trong các thông tin sau, thông tin nào sai?

A. Việt Nam đã nghiên cứu và sản xuất được hơn 20 loại vắc – xin.

B. Việt Nam đã xây dựng được 3 trung tâm ghép tạng ở cả 3 miền.

C. Trình độ can thiệp mạch ở Việt Nam đạt trình độ các nước tiên tiến trên thế giới

D. Việt Nam vẫn phải nhập hoàn toàn nguồn dược liệu từ nước ngoài.

Câu 24. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

A. Sự phát triển của ngành y tế Việt Nam

B. Những khó khăn của ngành y tế Việt Nam

C. Những thành tựu của ngành y tế Việt Nam

D. Tương lai của ngành y tế Việt Nam

Bài 4. Đọc và trả lời các câu hỏi từ 25 đến 32

(1) Ở châu Á, an ninh nguồn nước đang bị nhiều yếu tố đe dọa: Tăng trưởng dân số, đô thị hóa, ô nhiễm, khai thác nước ngầm quá mức, biến đổi khí hậu. Chúng ta đang có nhiều thách thức: Phải cải thiện nguồn nước cho nông nghiệp, phải khai thác năng lượng nước, phải đáp ứng đủ nước cho công nghiệp, phải bảo vệ chất lượng nước, phải bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

(2) Sông Mê Kông chảy qua 6 nước, trong đó có Việt Nam. Nguồn thủy sản của Mê Kông giúp nuôi sống khoảng 65 đến 80 triệu dân. Vùng đồng bằng sông Mê Kông đóng góp khoảng một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam. Nó bảo đảm được an ninh lương thực cho người dân ở đây. 12 tỉnh đồng bằng sông Mê Kông của Việt Nam có dân số 17

triệu người. Khoảng 80 % số đó gắn liền với sản xuất lúa gạo. Điều này giúp cho Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có nền nông nghiệp phát triển nhất khu vực. Nhưng sự biến đổi khí hậu và sự phát triển các công trình xây dựng ở thượng nguồn Mê Kông đang làm cho ngành sản xuất lúa gạo của Việt Nam bị đe dọa.

(3) Việc sử dụng tài nguyên nước quá mức cho phép, tình trạng ô nhiễm do công nghiệp, ô nhiễm do nông nghiệp và nước thải đang đe dọa môi trường của khu vực sông Mê Kông. Chia khóa để duy trì sức khỏe, an ninh con người và năng suất lao động là phải bảo đảm giữ chất lượng nước ở mức chấp nhận được.

(4) Các đập thủy điện đã xây dựng hoặc sẽ được xây dựng trong khu vực Mê Kông sẽ đe dọa trước mắt và lâu dài an ninh lương thực của hàng chục triệu dân ở vùng hạ lưu sông Mê Kông, trong đó có Việt Nam. Mùa khô, dòng chảy của Mê Kông nhỏ, không thể ngăn nước biển lấn sâu vào đồng bằng sông Mê Kông của Việt Nam.

(5) Chúng ta chưa đánh giá được nhiều về tác động của sông Mê Kông. Những rủi ro về chất lượng nước, về sức khỏe, an ninh con người và môi trường sống **hằng ngày hàng giờ** đang trở nên nghiêm trọng. Cần phải có nhiều nghiên cứu và tăng cường hợp tác nghiên cứu hơn nữa để hiểu và đánh giá đầy đủ những tác động của sông Mê Kông.

Câu 25. Đoạn (1) cho biết, có mấy yếu tố đang đe dọa an ninh nguồn nước ở châu Á?

- A. Ba yếu tố.
- B. Bốn yếu tố.
- C. Năm yếu tố.
- D. Sáu yếu tố.

Câu 26. Theo đoạn (2) của bài đọc, đồng bằng sông Mê Kông đóng góp vào lượng lúa gạo của Việt Nam như thế nào?

- A. Đóng góp đa số lượng lúa gạo của Việt Nam.
- B. Đóng góp hơn một nửa lượng lúa gạo của Việt Nam.
- C. Đóng góp 3/4 lượng lúa gạo của Việt Nam.
- D. Đóng góp 1/2 lượng lúa gạo của Việt Nam.

Câu 27. Trong đoạn (2), con số 80 % được hiểu là:

- A. Sản lượng lúa gạo.
- B. Tỷ lệ người dân sản xuất lúa gạo.
- C. Nguồn thủy sản sông Mê Kông.
- D. Dân số 12 tỉnh đồng bằng sông Mê Kông.

Câu 28. Theo đoạn (3), chìa khóa để duy trì sức khỏe, an ninh con người và năng suất lao động là gì ?

- A. Bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.
- B. Ngừng xây dựng các đập thủy điện.
- C. Kiểm soát tăng trưởng nhanh dân số.
- D. Giữ chất lượng nước ở mức chấp nhận được.

Câu 29. Theo đoạn (3), “**quá mức cho phép**” có thể được hiểu là:

- A. Vượt quá giới hạn cho phép.
- B. Mức độ có thể chấp nhận được.
- C. Mức độ cho phép.
- D. Mức độ vừa phải.

Câu 30. Cụm từ “ **hằng ngày hàng giờ** ” được in đậm trong đoạn (5) có thể được hiểu là:

- A. Mỗi ngày một giờ.
- B. Từng giờ trong ngày.
- C. Từng ngày trong năm.
- D. Liên tục và nhanh.

Câu 31. Theo đoạn (5), chúng ta cần hợp tác nghiên cứu nhiều hơn nữa để làm gì?

- A. Để hiểu đầy đủ sự biến đổi khí hậu vùng sông Mê Kông.
- B. Để hiểu đầy đủ sự ô nhiễm và đe dọa của sông Mê Kông.
- C. Để hiểu và đánh giá đầy đủ sự nguy hiểm của sông Mê Kông.
- D. Để hiểu và đánh giá đầy đủ những tác động của sông Mê Kông.

Câu 32. Nội dung chính của bài này nói về:

- A. Sự ô nhiễm môi trường vùng sông Mê Kông.
- B. An ninh nguồn nước sông Mê Kông đang bị đe dọa.
- C. Nước biển đang đe dọa đồng bằng sông Mê Kông.
- D. Sự biến đổi nhanh của khí hậu vùng sông Mê Kông.

Bài 5. Đọc và trả lời các câu hỏi từ 33 đến 40

(1) Hà Nội là thủ đô đồng thời là thành phố đứng đầu Việt Nam về diện tích tự nhiên và đứng thứ hai về diện tích đô thị sau Thành phố Hồ Chí Minh và là một trong 17 thủ đô lớn nhất thế giới, một trong ba thủ đô lâu đời nhất thế giới. Hà Nội nằm giữa đồng bằng sông Hồng trù phú, nơi đây đã sớm trở thành một trung tâm chính trị và tôn giáo ngay từ những buổi đầu lịch sử Việt Nam. Thủ đô Hà Nội ngày nay hình thành trong lịch sử dân

tộc Việt Nam chính thức vào năm 1010 với tên gọi đầu tiên là Thăng Long. Thăng Long bắt đầu mang tên Hà Nội từ năm 1831, Năm 1902, Hà Nội trở thành thủ đô của Liên bang Đông Dương và được người Pháp xây dựng, quy hoạch lại.

(2) Bất cứ ai đã và đang sống ở Hà Nội, khi đi xa sẽ còn nhớ mãi hương thơm da diết của mùi thơm hoa sữa, cái se se lạnh khi mỗi độ thu về hay tiếng ve kêu râm ran mỗi buổi trưa hè, chút lãng đãng Tây Hồ, và mộng mơ của hoa đào Nhật Tân,... Hà Nội đặc biệt với “mùa thu vàng” đã làm rung động biết bao tâm hồn thi sĩ... Hà Nội còn được gọi là thành phố “xanh” với các hàng cây thuộc nhiều loại khác nhau như xà cừ, bàng, sấu, phượng, hoa sữa,... trải khắp phố phường xanh cả bốn mùa. Trên 300 vườn hoa, công viên và thảm cỏ cùng hệ thống tượng đài, các bể phun nước càng làm tăng thêm vẻ đẹp của Thủ đô. Nói đến Hà Nội thì không thể không nói đến vẻ đẹp của hệ thống sông hồ. Dòng sông Hồng như dải lụa vắt ngang thành phố, hai bên bờ sông có biết bao di tích mà du khách có thể ghé thăm nếu đi du lịch bằng đường thủy. Những hồ đẹp và tiêu biểu của Hà Nội là hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Thiền Quang, hồ Trúc Bạch gắn với huyền thoại thiêng liêng giữ nước của dân tộc Việt Nam.

(3) Hà Nội là nơi có hệ thống các địa danh văn hóa, lịch sử, thắng cảnh nhiều bậc nhất. Hồ Tây – đường Thanh Niên – chùa Trấn Quốc là một quần thể cảnh đẹp ở phía tây bắc thành phố. Có thể ví đường Thanh Niên như một cái cầu bắc ngang hai hồ nước, một bên là hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch. Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn: nằm ở vị trí **“trung tâm thành phố”** giống như một lăng hoa giữa lòng Hà Nội. Chợ Đồng Xuân đã có lịch sử hơn 100 năm, là chợ lớn nhất Hà Nội, nơi hội tụ sản vật trên rừng, dưới biển của cả nước.

(4) Thủ đô Hà Nội thường được xem là nơi tập trung những tinh hoa văn hóa của miền Bắc và cả Việt Nam. Trong hàng ngàn năm, vị trí kinh đô khiến thành phố này trở thành nơi **quy tụ** những nhân vật ưu tú, những thương nhân, những nghệ nhân, những thợ thủ công lành nghề. Những danh nhân, nhân vật nổi tiếng của Việt Nam phần đông xuất thân từ những vùng đất khác, nhưng kinh đô Thăng Long thường là nơi họ xây dựng nên sự nghiệp.

Câu 33. Hà Nội là thành phố lớn nhất Việt Nam về ...

- A. diện tích tự nhiên.
- B. diện tích đô thị.
- C. dân số.
- D. mật độ dân số.

Câu 34: Thủ đô Hà Nội khi mới thành lập có tên gọi là gì?

- A. Đông Đô
- B. Thăng Long
- C. Hà Nội
- D. Đông Dương

Câu 35. Tại sao Hà Nội được gọi là thành phố “xanh”?

- A. Vì Hà Nội có nhiều loại cây khác nhau trải khắp phố phường.
- B. Vì Hà Nội có nhiều hệ thống tượng đài, các bể phun nước.
- C. Vì Hà Nội có hệ thống sông hồ tuyệt đẹp.
- D. Vì Hà Nội đặc biệt với mùa thu vàng.

Câu 36. Theo đoạn (2), dòng sông Hồng được so sánh như thế nào?

- A. Hai bên bờ có nhiều di tích.
- B. Như dải lụa vắt ngang thành phố.
- C. Mang vẻ đẹp huyền thoại.
- D. Ở bên ngoài thành phố.

Câu 37. Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn nằm ở vị trí “trung tâm thành phố” có nghĩa là:

- A. Nằm ở giữa thành phố
- B. Nằm ở bên cạnh thành phố
- C. Nằm ngoài thành phố
- D. Nằm ở xung quanh thành phố

Câu 38. Từ quy tụ ở đoạn (4) gần nghĩa với từ nào dưới đây:

- A. tập trung
- B. họp nhóm
- C. đoàn tụ
- D. hội họp

Câu 39. Phần lớn những danh nhân, nhân vật nổi tiếng của Việt Nam có xuất thân ở đâu?

- A. ở nông thôn.
- B. ở kinh đô Thăng Long.
- C. ở những vùng đất khác.
- D. ở Hà Nội.

Câu 40. Nội dung chính của bài viết trên là gì?

- A. Diện tích của Hà Nội.
- B. Sự hình thành và phát triển của Hà Nội.

C. Vẻ đẹp của Hà Nội.

D. Các danh lam thắng cảnh ở Hà Nội.